

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2023/HNGĐ -ST**

Ngày: 11/7/2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Hiền và bà Đỗ Thị Hải

-Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2023, Q định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST- HNGĐ ngày 21/6/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Lò Thị Q; Nơi đăng ký HKTT: Bản H, phường N T, thành phố B, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Đội 24, Bản C P, xã Th N, huyện B, tỉnh Đ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Ông Lương Văn Th; Địa chỉ: Bản H, phường N T, thành phố B, tỉnh Đ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lò Thị Q trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Lò Thị Q và ông Lương Văn Th lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 18/6/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, vợ chồng sống hạnh phúc từ sau ngày cưới đến khoảng năm 2020 ông Th thay đổi toàn bộ tính tình hay ghen tuông mù quáng và hành hạ đánh đập tôi. Ông Th đi uống rượu về, hay xích mích và đánh bà Q, ông Th không còn quan tâm đến gia đình vợ con, bà Q có tham gia góp ý nhưng ông Th không nghe có thái độ thiếu tôn trọng thách thức bà Q. Tuy nhiên bà Q đã nhờ hai bên gia đình khuyên ngăn, hòa giải nhiều lần nhưng giữa bà Q và ông Th không có tiến triển, không thể tìm được tiếng nói chung. Sau nhiều lần mâu thuẫn đến đầu năm 2023 bà Q đã bỏ về bên nhà mẹ đẻ ở Đội 24, Bản C P, xã Th N, huyện B, tỉnh Đ từ đó cho tới nay, hiện nay bà Q và ông Th mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay bà Q không còn tình cảm với ông Th. Nhưng thực chất gia đình

ông Th và bản thân ông Th không ai tôn trọng bà Q, mẹ ông Th và chị gái ông Th thấy ông Th đánh bà Q không ai vào can ngăn và nhiều năm nay ông Th không chịu sửa sai, không tu trí làm ăn cùng với bà Q để có kinh tế bảo đảm cuộc sống. Bà Q đề nghị Tòa án giải Q cho bà được ly hôn với ông Th.

- Về con chung: Bà Q và ông Th có hai con chung là cháu Lường T A, sinh ngày 30/10/2002 và cháu Lường Mạnh H, sinh ngày 19/02/2005. Hiện nay hai cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, nay các cháu đã trưởng thành, tự đi làm có thu nhập. Nên bà Q không yêu cầu Tòa án giải Q.

- Về con riêng: Không có

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải Q.

- Về nợ: Không có

2. *Tại bản tự khai ngày 08/3/2023 bị đơn ông Lường Văn Th trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông Th và bà Q lấy nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 18/6/2002. Thời gian đầu chung sống với nhau, bà Q và ông Th yêu thương và cùng mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, từ tháng 06/2022 đời sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Th nghe mọi người nói bà Q có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, sau đó về ông Th hỏi bà Q không nhận. Đến đêm 08/2/2023 vợ chồng đã đi ngủ có người gọi điện cho bà Q sau đó bà Q đòi đi chơi ông Th không cho đi dẫn đến hai vợ chồng cãi nhau và dẫn đến đánh nhau từ đó đến nay bà Q không quay về nhà ông Th nữa. Đến nay bà Q làm đơn xin ly hôn ông Th, không nhất trí ly hôn vì ông Th vẫn còn tình cảm với bà Q.

- Về con chung: Ông Th và bà Q có hai con chung là cháu Lường T A, sinh 30/10/2002 và cháu Lường Mạnh H, sinh 19/02/2005. Nếu cô Q cương Q ly hôn thì các con đã trưởng thành tự đi làm có thu nhập. Ông Th không yêu cầu Tòa án giải Q.

- Về con riêng: Không có

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải Q.

- Về nợ chung (phải trả, lấy về): Không yêu cầu Tòa án giải Q.

Đối với bị đơn ông Th: Tòa án và Hòa giải viên đã hòa giải ông Th có mặt tại Tòa án; đối với phiên tiếp cận chứng cứ và hòa giải lần 1 ông Th không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình. Tại phiên tòa ông Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của Thẩm phán: Trong quá trình giải Q vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải Tụng vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đối với Nguyên đơn: Trong quá trình giải Q vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp là bản phô tô có công chứng hoặc bản chính, đảm bảo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với Bị đơn: Đã có bản tự khai thể hiện quan điểm của mình với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Tuy nhiên không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành các Q định của Tòa án trong quá trình Tòa án giải Q vụ án không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vi phạm trên của bị đơn đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn, cản trở hoạt động của Tòa án trong việc thu thập chứng cứ.

Về quan điểm giải Q vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ quy định tại Điều 28, 36 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Q được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà Q và ông Th có 02 con chung là cháu Lường T A, sinh ngày 30/10/2002 và cháu Lường Mạnh H, sinh ngày 19/02/2005. Hiện các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường nên không xem xét giải Q.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa giải Q.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Q phải chịu 300.000 đồng án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 27/02/2023 bà Lò Thị Q nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với ông Lường Văn Th; địa chỉ: Bản H, phường N T, thành phố B, tỉnh Đ. Ngày 24/3/2023, bà Q đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải Q yêu cầu khởi kiện của bà Q theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải Q: Yêu cầu Ly hôn giữa bà Lò Thị Q và ông Lường Văn Th thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của Viện kiểm sát để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Bà Lò Thị Q và ông Lương Văn Th kết hôn tại UBND xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 18/6/2002, kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa bà Q và ông Th đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính là, do ông Th không tin tưởng sự chung thủy của bà Q. Ông Th mỗi lần đi uống rượu với bạn, nghe bạn về không làm chủ được bản thân đã đánh bà Q nhiều lần dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, bà Q và ông Th không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù đã được Tòa án hòa giải xong vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, từ đầu năm 2023 bà Q đã về nhà bố mẹ để ở tại Đội 24, bản Co Pao, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên sinh sống cho đến nay, bà Q và ông Th không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Việc này ông Th và bà Q đã công nhận.

Sau khi thụ lý Tòa án đã thông báo bằng điện thoại, bằng văn bản cho ông Th được biết và Tòa án đã hòa giải vào ngày 22/3/2023 ông Th xin hòa giải vợ chồng quay về đoàn tụ và hứa không uống rượu và đánh bà Q, đến ngày Tòa án đã tổ chức hòa giải cho bà Q và ông Th sau đó ông Th không hợp tác và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập ông Th nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và buổi hòa giải lần 2 do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Q và ông Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải Q, mặc dù tại phiên toà ngày hôm nay bà Q có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải Q cho bà được ly hôn với ông Th. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho bà Q khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Lò Thị Q và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa bà Lò Thị Q và anh Lương Văn Th.

[2.2] Xét về con chung: Ông Th và bà Q đều khai và công nhận có hai con chung: Cháu Lương T A, sinh 30/10/2002 và cháu Lương Mạnh H, sinh 19/02/2005. Hai con chung của bà Q và ông Th khỏe mạnh, phát triển bình thường, các cháu đã đi làm và có thu nhập. Bà Q và ông Th không yêu cầu Tòa án giải Q. Do vậy HĐXX không đề cập hướng giải Q.

[2.3] Về con riêng: Bà Q và ông Th đều khai và công nhận không có

[3] Xét về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải Q.

[4]Về nghĩa vụ chịu án phí:Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Tổng 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lò Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 271, 273, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị Q.

1. Về hôn nhân: Bà Lò Thị Q được ly hôn với ông Lương Văn Th.

2. Về con chung, con riêng:

- Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải Q.

- Về con riêng: Không có.

3. Về tài sản: Tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải Q.

4. Về án phí: Bà Lò Thị Q chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST bà Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002183 ngày 24/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Bà Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lò Thị Q và ông Lương Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thương Huyền

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÂN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

